

HIỆN ĐẠI HÓA HỆ THỐNG THỦY LỢI VÀ PHÁT TRIỂN PIM GÓP PHẦN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN BỀN VỮNG

(Tham gia Hội thảo quốc gia các trường Đại học kỹ thuật tại Đồ sơn 14/5/2009)

Nguyễn Xuân Tiệp – CCWR⁴

HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Thủy lợi phục vụ đa mục tiêu đang hướng tới đảm bảo an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo ở nông thôn trên cơ sở phát triển bền vững sự nghiệp “ *Nông nghiệp – Nông dân - Nông thôn* ”

Nông nghiệp – Nông dân - Nông thôn

Dân số nông thôn Việt Nam chiếm trên 73% tổng dân số cả nước, thu nhập chính của người dân nông thôn từ sản phẩm nông nghiệp có tưới, sử dụng nước từ công trình thủy lợi, như lúa gạo, rau, hoa quả, cà phê, thủy sản... Vì vậy khi nói đến nông thôn, phải nói đến nông dân, nói đến nông dân phải nói đến nông nghiệp và khi nói đến nông nghiệp, không thể không nói đến thủy lợi.

Từ xa xưa người nông dân Việt Nam đã khẳng định: “*Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống*”. Ngày nay nông nghiệp phát triển mạnh, trên cơ sở tăng năng suất bởi nhiều yếu tố, nhưng trong thực tế, nước vẫn có vai trò hết sức quan trọng, góp phần quyết định chất lượng, năng suất, sản lượng nông nghiệp, phát triển nông thôn bền vững (Nước cho sản xuất nông nghiệp - Nước cho sinh hoạt, dân sinh, môi trường, sinh thái, sức khỏe, văn hóa, văn minh...).

Nông thôn là “*Địa dư*” phát triển các dịch vụ, kinh doanh (Sản xuất hàng hóa và tiêu thụ, cung cấp nhân lực). Và cũng vì vậy cha ông ta đã nói: “*Nông suy thì bách nghệ bại*”.

Nông nghiệp phát triển bền vững khi có cơ sở hạ tầng thủy lợi hoàn chỉnh (*đảm bảo việc cấp nước, thoát nước theo yêu cầu, ổn định, với giá thành thấp, trên cơ sở chi phí về quản lý ít nhất, tiết kiệm được nước nhiều nhất, vì nước là loại “Vật tư” quý hiếm nhất không thay thế được*).

Một nhận xét chung là nơi nào thủy lợi phục vụ hiệu quả, nơi đó nông thôn phát triển bền vững, văn hóa, văn minh, chính trị, xã hội ổn định...

Như vậy, phát triển thủy lợi sẽ thúc đẩy phát triển *Nông nghiệp - Nông thôn*

Thủy lợi tác động giảm đói nghèo ở nông thôn

Mặc dù nông thôn có nguồn lao động dồi dào và nhà nước đã có nhiều dự án đầu tư tác động, nhưng nông thôn vẫn với tỷ lệ đói nghèo cao (trên 2 con số) thậm chí có những xã ở vùng núi tỷ lệ đói nghèo vẫn còn rất cao (có xã tỷ lệ nghèo chiếm đến gần 80%)

Đói nghèo do nhiều nguyên nhân trong đó có :

+ Thiếu cơ sở hạ tầng bao gồm đường giao thông (nhất là vùng sâu, vùng xa), điện, thông tin liên lạc, thủy lợi (tưới tiêu, môi trường, đa mục tiêu, hạn chế các rủi ro, thiên tai.. tác động dẫn đến đói nghèo)

+ Thiếu đất đai để sản xuất

+ Thiếu vốn đầu tư, mua sắm trang thiết bị, phương tiện sản xuất

+ Thiếu kinh nghiệm, năng lực quản lý, sản xuất yếu kém (Thiếu tri thức, kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng, ứng dụng KHCN)

+ Thiếu việc làm

+ Dân số tăng nhanh

+ Môi trường chưa đảm bảo(kể cả môi trường pháp lý)

+ Điều kiện địa lý tự nhiên (thiên tai, rủi ro)

Để đạt được mục tiêu (HEPR) xoá đói giảm nghèo, đặc biệt là giảm tỷ lệ bán thất nghiệp ở nông thôn, cải thiện mức sống cho nông dân đòi hỏi phải tăng năng suất đáng kể và chuyển từ canh tác dựa vào cây lúa (đảm bảo an ninh lương thực) sang đa dạng hoá cây trồng, chú trọng cây trồng có giá trị kinh tế cao, xuất khẩu, tăng mức thu nhập của người dân và toàn xã hội, đảm bảo môi trường bền vững không thể thiếu vai trò của thủy lợi. (Đầu tư cho thủy lợi tỷ lệ nghịch với tỷ lệ đói nghèo – tham khảo tài liệu Tuyên quang)

Nhưng !

Hiệu quả của thủy lợi chưa cao, chưa tương xứng với đầu tư và đáp ứng yêu cầu của nông nghiệp , nông dân, nông thôn

Hiệu quả của công trình thủy lợi được thể hiện:

- Đầu tư vốn ít nhất
- Giá thành, chi phí quản lý thấp nhất
- Đáp ứng được yêu cầu về nước (Cả về chất và lượng) phục vụ đa mục tiêu
- Công trình ít hư hỏng, bền vững nhất
- Tiết kiệm nước, môi trường sinh thái ổn định
- Người sử dụng nước (nông dân) phải trả chi phí ít, nhưng lợi ích nhận được do thủy lợi đem lại (năng suất, sản lượng, việc làm..) nhiều nhất, thông qua tổ chức dịch vụ đảm bảo tự chủ được tài chính, phục vụ hiệu quả nhất.

> Cơ sở vật chất thủy lợi hiện có :

- Theo tài liệu thống kê đến nay cả nước đã có 21.177 công trình các loại, (trong đó có 1.957 hồ chứa nước có dung tích lớn hơn 300.000m³). Hiện nay đã có 130 đơn vị khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL) thuộc Nhà nước (chưa kể các trạm độc lập, Ban quản lý) quản lý 19.391 công trình (chiếm 91% tổng số), số công trình còn lại (9%) do các tổ chức tập thể và tư nhân quản lý.

- Cơ sở vật chất thủy lợi nói trên có giá trị tương đương vào khoảng trên 6 tỷ USD, chưa đảm bảo xây dựng công trình đồng bộ, khép kín, vận hành kém an toàn, chưa đáp ứng cao nhất yêu cầu thâm canh trong nông nghiệp

Theo ước tính của các chuyên gia thì giá trị cơ sở vật chất kỹ thuật thủy lợi hiện có tương đương trên 100 - 125 ngàn tỷ VNĐ (Khoảng trên 6 tỷ USD). Con số này còn thua xa so với giá thực tế bởi vì nếu theo báo cáo của Bộ NN và PTNT¹ gần đây thì chỉ “... riêng trong 5 năm (2001 ÷ 2005) Nhà nước đã đầu tư cho thủy lợi là 25.511 tỷ VNĐ (Tương đương 1,6 tỷ USD), trong đó vốn do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý 9.874 tỷ VNĐ... ” (Bình quân mỗi năm đầu tư cho thủy lợi là 5.100 tỷ VNĐ). Đó là chưa kể vốn đầu tư của đề điều và phần vốn nhân dân đóng góp (Tiền, vật liệu, công sức...) để xây dựng các công trình, nhất là công trình ở mặt ruộng, nhằm đảm bảo được tính “Đồng bộ, khép kín”.

- Hệ thống công trình chưa được xây dựng đồng bộ khép kín
 - Cơ chế, chính sách chưa phù hợp, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các đơn vị quản lý, làm dịch vụ và người hưởng lợi (nông dân) , chưa tự chủ được tài chính (bao gồm cả vốn đầu tư xây dựng – quản lý...) chưa phát huy vai trò của người dân tham gia, gắn trách nhiệm với quyền lợi của họ
 - Theo các tài liệu điều tra thì hiệu quả đạt được của nhiều hệ thống thủy lợi vẫn chưa tương xứng với đầu tư (bình quân cả nước mới đảm bảo tưới ổn định 55÷65% (1) so với thiết kế). Trong đó có hệ thống mới đảm bảo tưới 27÷30% diện tích thiết kế (chủ yếu là các hệ thống thủy lợi nhỏ ở miền núi), hầu hết các hệ thống thủy lợi vừa và lớn đảm bảo tới 90÷100% diện tích, nhưng phải có các biện pháp khác hỗ trợ nên đã làm cho chi phí quản lý tăng lên, nhất là vùng cuối kênh (theo tài liệu điều tra ở một số hệ thống do Doanh nghiệp nhà nước quản lý, nông dân phải chi phí thêm 400 – 600 nghìn VNĐ/ha được tưới)
- Thủy lợi hoá cao nhất vẫn tập trung chủ yếu ở đồng bằng Sông Hồng (chiếm tỷ lệ 90 %)

Hiệu quả được đánh giá ?

Đặc biệt, trong bản báo cáo chung của các nhà tài trợ, Hội nghị Tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam tại Hà Nội, 2-3 tháng 12 năm 2003 (Báo cáo Phát triển Việt Nam 2004) có một con số chỉ tiêu đánh giá rất thú vị: Tỷ lệ sản lượng trên chi tiêu tính theo ĐVN về lĩnh vực thủy lợi chỉ đạt **0,67** (Đồng bằng sông Hồng **0,55**), Đường sá đạt **4,82**, Giáo dục **2,66**. Các con số này là các thông tin quan trọng đã có thể giúp cho cán bộ, nhất là các cán bộ chủ chốt, cán bộ nghiên cứu về thủy lợi, nông nghiệp nhận thức được đầy đủ về thực trạng công trình thủy lợi hay chưa ?

- Tổ chức quản lý các hệ thống thủy lợi ở cả *hai khối và ba cấp* còn nhiều tồn tại chưa đảm bảo khép kín trong đó tổ chức hợp tác dùng nước (HTDN) chưa làm tốt chức năng dịch vụ và “cầu nối” giữa doanh nghiệp với các hộ nông dân trong dịch vụ cấp nước theo yêu cầu của các hộ nông dân

¹ Báo cáo của Bộ NN và PTNT “Đánh giá hiệu quả đầu tư các công trình thủy lợi” - Tạp chí Tài nguyên nước, số 3-2006

⁴ Nguyễn Phó Cục trưởng Cục Thủy lợi , thành viên sáng lập VNPIIM, CPIM, Phó Giám đốc Trung tâm tư vấn KHCN và phát triển nguồn nước – VNCOLD, Email : tiepnx@gmail.com, Mobi : 0913087595

> **Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Khai thác công trình Thủy lợi – IMC) :**

Hiện có : 3 công ty liên tỉnh (trực thuộc Bộ NN và PTNT)

31 Công ty Tỉnh

22 Công ty Liên Huyện

43 Công ty Huyện

25 Trạm, Trung tâm, Ban

Nguồn² : Cục Thủy lợi, 2008.

➤ **Tổ chức hợp tác dùng nước HTDN**) : “là hình thức hợp tác của những người cùng hưởng lợi từ công trình thủy lợi, làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ công trình , phục vụ sản xuất, dân sinh “ (Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi)
Bao gồm : Hợp tác xã (HTX) Hợp tác (HT) Hội, Tổ , Đội (Thông tư 75)
Hiện có 11.249 HTXNN có làm dịch vụ tưới, Trong đó có 958 HTDN, 1039 Hội, Ban, Tổ, Đội (MARD-2003)

Nông dân đang cần gì ?

- Được hỗ trợ để có đủ vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi đảm bảo tính đồng bộ, khép kín, đủ vốn cho sửa chữa, nâng cấp, khôi phục công trình, thực hiện việc chuyển giao (IMT), *hiện đại hóa hệ thống công trình*, nhằm tạo thêm công ăn việc làm cho nông dân
- Được đào tạo, hướng dẫn, *ứng dụng KHCN phục vụ sản xuất, quản lý vận hành, góp phần tăng năng suất, tăng sản lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp có tưới, giảm chi phí đầu vào, giảm giá vật tư, nhằm tăng thu nhập cho nông dân.*
- Được hỗ trợ đầu ra, nhất là hộ trợ “chế biến” và “thị trường tiêu thụ” là điều mà nông dân không thể tự làm được



Kênh chính của hệ thống Kê gỗ



Kênh của Hệ thống Phú Ninh



Nhà quản lý trạm bơm tại Hà Tĩnh

HIỆN ĐẠI HÓA HỆ THỐNG THỦY LỢI PHỤC VỤ TƯỚI, TIÊU HIỆU QUẢ :

Chủ trương lớn về “ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn”

Nghị quyết 15 – NQ/TW ngày 8-3-2003 :

+ “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn”... “Thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa”

+ “...áp dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ tưới tiết kiệm nước, trong xây dựng và quản lý thủy lợi, phát triển tổ chức HTDN và quản lý thủy nông của nông dân “

Quan niệm hiện đại hóa :

Đúng hay Sai ?

Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi (hệ thống tưới)

- (1) Là những công việc đơn lẻ như lát kênh, đầu tư lắp đặt thiết bị vận hành, áp dụng công nghệ thông tin trong việc đo đếm, điều hành hệ thống thông qua hệ thống điều khiển hiện đại . **Hay là !**

- (2) Là năng lực, tổ chức quản lý hệ thống công trình, thể chế, nhất là vai trò cũng như sự tham gia của người hưởng lợi (PIM) và lợi ích mà người sử dụng nước nhận được.

Ở nước ta để đạt mục tiêu của Hiện đại hóa đã trải qua một quá trình “bàn cãi” đã không dễ dàng nhận ra một cách đầy đủ nội dung hiện đại hóa hệ thống tưới, mặc dầu đã và đang thực hiện một cách riêng lẻ từng nội dung của HĐH

Do quan niệm khác nhau nên đã hạn chế việc hoạch định cơ chế, chính sách về HĐH nhất là cơ chế, chính sách về đầu tư, tổ chức quản lý cũng như thực hiện HĐH trong các khâu qui hoạch, thiết kế, xây dựng và quản lý, khai thác một cách hiệu quả các hệ thống thủy lợi ... **Vì vậy**

Trong nhiều thập kỷ qua không ít nhà khoa học, hoạch định chính sách, nhà quản lý khi nói đến hiện đại hóa hệ thống tưới đã nghĩ ngay đến thiết bị, hệ thống điều khiển (1)

Các hệ thống thủy nông do các công ty thủy nông quản lý, thông qua các dự án đã đầu tư đã lắp đặt nhiều thiết bị để hình thành hệ thống điều khiển cũng được gọi là hiện đại (phải hàng tỷ đồng) nhưng cuối cùng chỉ có thiết bị nằm đó để nghiệm thu và giải ngân, không được sử dụng hiệu quả, do không đề cập để thực hiện một cách đầy đủ tổ chức quản lý ..(2)

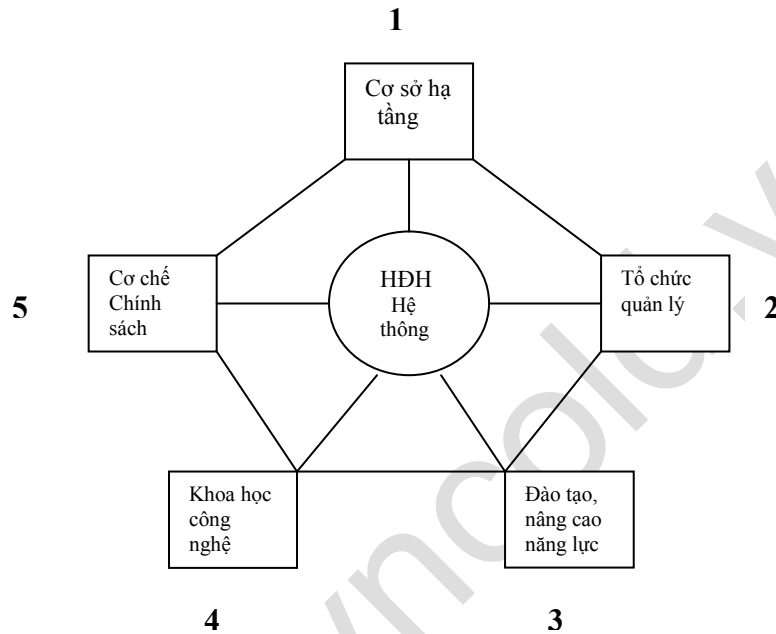
Trong khuôn khổ của một dự án HĐH thực hiện ở hệ thống La Khê - Hà Tây cũ với mục tiêu cải tiến việc điều hành hệ thống thông qua lắp đặt các thiết bị cần thiết để “phân phối nước” đến mặt ruộng, đáp ứng yêu cầu “công bằng, tin cậy, linh hoạt”. Nhưng chưa được gọi là thành công, bởi lẽ sự lựa chọn này không đồng bộ, đã không tính đến các yếu tố liên quan như hệ thống công trình, đào tạo.. quản lý có sự tham gia (PIM) và cho đến nay tất cả đã qua đi và để lại bài học đó là một sự lựa chọn (tiêu tiền) chưa hiệu quả.

Chức năng của hệ thống thủy lợi đã giúp chúng ta hình thành một khái niệm quen thuộc, rất “lô gích” đó là khái niệm “ phần cứng “ (công trình) và “ phần mềm “ (quản lý, cơ chế chính sách..) không bao giờ được tách rời nhau mới phát huy được hiệu quả của công trình thủy lợi và không thể nói “phần cứng” quan trọng hơn “phần mềm” hoặc ngược lại. Đó là cách tiếp cận thực tế nhất về HĐH hệ thống thủy lợi hiện nay

Một khái niệm tổng quát nhất, dễ hiểu nhất, và thực tế nhưng khả thi nhất đã được thống nhất tại hội thảo của FAO về hiện đại hóa tại Bangkok năm 1996 :

“Hiện đại hóa tưới là một **quá trình** nâng cấp về kỹ thuật và quản lý (trái với việc chỉ là cải tạo) của các hệ thống thủy lợi với mục tiêu **cải thiện** việc sử dụng các nguồn (lao động, nước, kinh tế, môi trường) và **dịch vụ phân phối nước** tới đồng ruộng/ người sử dụng”

Sơ đồ A



Tuy nhiên, kết quả đạt được thông qua các dự án được gọi là “ HĐH “ khác nhau, có thể khẳng định là cần tiến hành thứ tự các nội dung công việc, đảm bảo được tính khép kín từ “điểm xuất phát” (1) phải có cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh , được thiết kế và xây dựng lắp đặt các thiwvte bị ..theo một tiêu chí đảm bảo vận hành thuận lợi, an toàn phục vụ cho việc phân phối nước được linh hoạt, công bằng và tin cậy đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng nước hiệu quả nhất (đủ nước tưới, đáp ứng yêu cầu mùa vụ). Việc quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng như trên phải có một tổ chức quản lý thích ứng, có người dân tham gia - PIM (2) nhằm gắn trách nhiệm trong việc bảo vệ khai thác, vận hành, duy tu, tài chính với lợi ích mà người dân nhận được. Để quản lý, vận hành tốt và hiệu quả công trình thủy lợi thì cán bộ và cả nông dân phải được đào tạo (3) , nắm vững Khoa học công nghệ (KHCVN), có năng lực tiếp cận, ứng dụng KHCVN mới, cải tiến tổ chức đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đảm bảo được các tiêu chí về “linh hoạt, công bằng và tin cậy” Tất cả những nội dung trên chỉ được thực hiện trên cơ sở của một cơ chế, chính sách phù hợp (5) , trong đó có chính sách tài chính (đảm bảo đầu tư cho xây dựng, lắp đặt thiết bị, đào tạo nâng cao năng lực, các đơn vị qu5 4 nội dung cần phải làm, tuy là theo thứ tự 1,2,3,4,5..(sơ đồ A) nhưng thực tế các nội dung này phải thực hiện gần như đồng thời, gắn chặt với nhau và không thể cho phép phân biệt được nội dung nào quan trọng nhiều hơn nội dung nào

Nhà nước đã có chủ trương tăng cường công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Nhiều văn bản qui định đã tạo hành lang pháp lý để đầu tư xây dựng công trình (*phần cứng*) phải đồng thời với quản lý (*phần mềm*), đặc biệt là phát huy vai trò của người dân tham gia quản lý vận hành duy tu bảo dưỡng (PIM), thực hiện phương châm " nhà nước và nhân dân cùng làm "

Nhưng tất cả vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, " *phần cứng* " được tăng cường và " *cứng* " hơn , trong khi đó " *phần mềm* " cứ yếu đi và " *mềm* " hơn đã tạo ra khoảng cách giữa phần cứng và phần mềm ngày càng lớn hơn .

Công việc trước mắt đang đòi hỏi chúng ta là phải khai thác tối đa " phần cứng " đã được đầu tư bằng cách cải tiến " phần mềm " thông qua nâng cao năng lực quản lý...

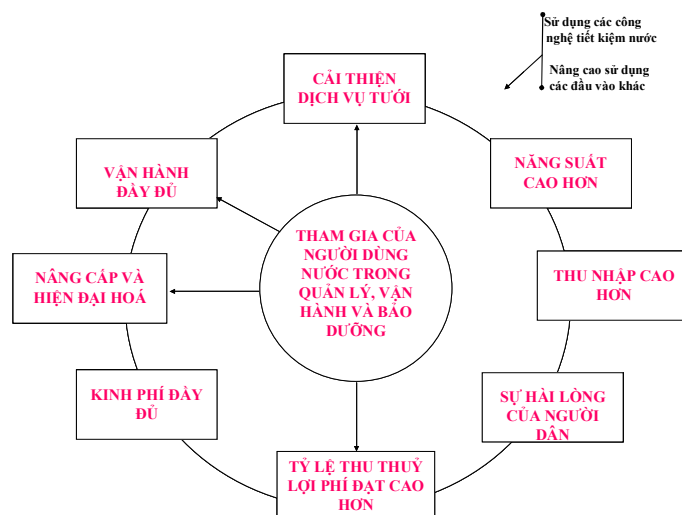
Và mục tiêu của HDH là ? hướng tới yêu cầu một hệ thống tưới đảm bảo được *tính tin cậy, linh hoạt và công bằng trong phân phối nước, nhằm mang lại lợi ích lớn nhất cho họ, đồng thời phải đảm bảo tốt các mục tiêu khác về bảo vệ môi trường, sinh thái.* và cũng là một quá trình giúp cho người quản lý nước xa dần với phương pháp và tư duy "sử dụng nước" đơn giản, đã cải thiện công tác quản lý nước theo *quy trình công nghiệp hiện đại* với tính trách nhiệm, điều khiển, kiểm soát , vận hành hệ thống đạt được hiệu quả *mang lại lợi ích lớn nhất cho nông dân.* Đây cũng chính là mục tiêu của PIM " *Nông dân tham gia quản lý công trình thủy lợi* "

NÔNG DÂN THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI (PIM)

Ở Việt nam, " *Nông dân tham gia quản lý công trình thủy lợi* " đã trở thành truyền thống được hình thành từ thế kỷ thứ 18, 19 là thời kỳ lúa nước thành công nhất và là cơ sở của phương pháp luận về PIM hiện nay.

Vậy PIM là gì ? Có thể hiểu một cách khái quát, đơn giản nhất : **PIM** chỉ là từ viết tắt của cụm từ ***Participatory Irrigation Management*** (Tham gia quản lý tưới - Quản lý tưới có sự tham gia...) quốc tế hóa từ nội dung theo nghĩa rộng "Nông dân tham gia quản lý công trình thủy lợi" và cần được hiểu là : nông dân không chỉ được tham gia quản lý mà phải được tham gia từ khâu qui hoạch, thiết kế, đầu tư vốn, xây dựng thì mới có thể tham gia quản lý một cách hiệu quả, bền vững và lâu nay chính nông dân Việt Nam đã thực hiện. (để tránh sự giải thích phức tạp, quan trọng hóa về PIM của một số chuyên gia, cần tham khảo thêm nội dung trong Sách " *Nông dân tham gia quản lý công trình thủy lợi* " Nhà xuất bản Nông nghiệp 2008, tái bản 2009 sẽ hiểu đầy đủ hơn)

Sơ đồ B



Và mục tiêu của PIM là ? :

Hiệu quả thể hiện ở *Sơ đồ B*, tóm tắt của ông *Thierry Facon*³, PIM đang hướng tới tạo dịch vụ tốt hơn, góp phần năng suất cao hơn, tăng thu nhập cho người dân nhờ tăng năng suất, tăng sản lượng cây trồng, giảm chi phí quản lý, tự chủ về tài chính..có đủ kinh phí cho O&M, vận hành an toàn, nâng cấp, khôi phục công trình và hiện đại hóa hệ thống

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung của HĐH và của PIM (Biểu đồ A, B) cho thấy mục tiêu của HĐH cũng là mục tiêu của PIM. Mục tiêu ấy lại được thực hiện trong cùng một hệ thống cùng một đối tượng nên hoạt động và sự lựa chọn của HĐH không thể thiếu PIM. Có thể coi PIM là một công cụ thật sự hỗ trợ cho việc thực hiện hiện đại hóa hệ thống, trên cơ sở phát huy được vai trò của người dùng nước trong cùng một hệ thống thông qua tổ chức của họ (WUA). Và ngược lại HĐH lại là yếu tố quan trọng đảm bảo cho PIM ngày càng đạt hiệu quả cao hơn, bền vững hơn, người nông dân sẽ nhận được dịch vụ tưới tốt hơn.

Thực tế trong quá trình nghiên cứu và triển khai thực hiện đã cho thấy HĐH không chỉ giải quyết “phần cứng” (công trình), bởi lẽ phần cứng không phát huy được nếu như không có “phần mềm” (Quản lý , trong đó có PIM). Vì vậy phải coi PIM là một điều kiện để thực hiện HĐH, và HĐH là điều kiện tốt nhất để phát huy hiệu quả của PIM, bền vững. Nếu vì một lý do nào đó cố tình không tính đến lợi ích của cả 2 phía thì sẽ sai lầm nghiêm trọng và như ai đó đã phân nân “đó là tiêu tiền vào sự lựa chọn vô ích”.

PIM đang phát triển đã thành công trong phạm vi “ mô hình” hay phạm vi một huyện, một tỉnh, thậm chí cả một tỉnh đang được người dân đồng tình, nhưng do thiếu vai trò của chính quyền các cấp, vai trò của ngành, chưa thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực Quản lý KTCTTL nói chung và PIM nói riêng (hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, ban hành các cơ chế, chính sách..). Đặc biệt PIM chưa được trở thành một nội dung chuyên ngành giảng dạy trong trường đại học chuyên ngành như một số đại biểu quốc tế (ADB, WB, INPIM) đã đề nghị tại Hội thảo quốc tế vùng tại Hạ long, Quảng ninh tháng 4 năm 2004

PIM trở ngại, do cơ chế chính sách chưa phù hợp, nhận thức của cán bộ chưa cao thậm chí lo mất quyền lợi, quyền lực, mất tài sản, tài chính và phải làm một công việc

chưa rõ hiệu quả kể cả đối với bản thân, người dân chưa thật sẵn sàng do chưa nhận rõ lợi ích, chưa được giao quyền, ý lại bao cấp đang trở thành trở ngại của Hiện đại hóa hiện nay . **Như vậy**

Cần phải có một lộ trình hợp lý để thực hiện PIM trên cơ sở có chính sách phù hợp (nhất là chính sách tài chính- Thủy lợi phí) để đảm bảo

HĐH và PIM là hai công cụ để thực hiện cùng một mục tiêu, phát huy cao hiệu quả của các hệ thống thủy lợi, phục vụ tưới, tiêu trên địa bàn

3, Chuyên gia cao cấp của FAO

4 Nguyên Phó Cục trưởng Cục Thủy lợi , thành viên sáng lập VNPIM, CPIM, Phó Giám đốc Trung tâm tư vấn KHCN và phát triển nguồn nước – VNCOLD, Tel : 04 38357 422 , Mobi : 0913087595, Email : tiepnx@gmail.com

www.vncold.vn